

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động tháng 02, kế hoạch công tác tháng 03 năm 2023

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy Trà Vinh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có một số thuận lợi như nguồn nước ngọt đáp ứng được nhu cầu sản xuất và dân sinh, thời tiết tương đối thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, các loại bệnh nguy hiểm trên cây trồng và thủy sản nuôi cơ bản được kiểm soát; giá lúa, tôm sú, tôm thẻ giữ ở mức cao. Tuy nhiên, trong tháng bệnh Dịch tả heo Châu phi tiếp tục xảy ra ở 02 huyện Châu Thành và Trà Cú, giá một số nông sản giảm sâu như: Bưởi, cam sành, cua biển và dừa khô ảnh hưởng đến việc tái sản xuất của người dân, nhưng với sự vượt khó của người dân đã phấn đấu đạt được một số kết quả như sau:

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu trình UBND dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025; Hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất Dự án chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long (WB11).

Báo cáo kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh năm 2022 và giai đoạn 2019-2022; Báo cáo giải trình tiếp thu góp ý của thành viên UBND tỉnh và chính lý dự thảo Quyết định đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023; Báo cáo công tác đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2022; Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 62/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/NĐ-CP về quản lý, sử dụng đất trồng lúa năm 2022.

Xây dựng kế hoạch hướng ứng Tham gia Diễn đàn “Nông nghiệp hiện đại, tuần hoàn, phát thải thấp”, kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 19/10/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ban hành danh mục và phương thức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực kinh tế nông nghiệp và

PTNT; Thẩm định điều chỉnh dự án “Sản xuất giống Cá Lóc chất lượng cao” của Công ty TNHH Nam Long BIO; thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án “Thuê đất bãi bồi nuôi nghêu thương phẩm” của Hợp tác xã Nông nghiệp Long Thành; xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động ngành nông nghiệp số 34 của Dự án SME năm 2023; xây dựng kế hoạch tờ tin Thông tin nông nghiệp nông thôn Trà Vinh năm 2023; Kế hoạch hoạt động Trang Thông tin điện tử Sở năm 2023.

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật

- Cây lúa:

+ Vụ mùa: Thu hoạch 260 ha, nâng tổng số thu hoạch dứt điểm 1.142 ha, chiếm 100% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 4,71 tấn/ha, thấp hơn cùng kỳ 0,07 tấn/ha, sản lượng 5.380 tấn.

+ Vụ Đông Xuân: Xuống giống 4.667 ha, nâng tổng số xuống giống dứt điểm 62.109 ha (thấp hơn cùng kỳ 1.231 ha), vượt 20,13% kế hoạch (tương đương vượt 10.409 ha). Các giai đoạn sinh trưởng gồm: Mạ 400 ha; đẻ nhánh 12.685 ha; đòng trổ 41.526 ha; chín 5.928 ha; thu hoạch 1.570 ha, năng suất trung bình 5,25 tấn/ha. Diện tích nhiễm sâu bệnh trong tháng là 1.239 ha (tăng 226 ha so với tháng trước), gồm: Đạo ôn lá: 549 ha (tỷ lệ 5-10%) ở xã Hiếu Tử, Hiếu Trung, Tập Ngãi, Tân Hòa (Tiểu Cần), xã Đa Lộc, Mỹ Chánh, Song Lộc (huyện Châu Thành); bộ trĩ 30 ha (mật số 2.500-5.000 con/m²) ở xã Hòa Lợi (huyện Châu Thành); chuột 204 ha (tỷ lệ gây 2,5-5%) ở xã Phong Thạnh (huyện Cầu Kè), xã Hiếu Tử, Hiếu Trung, Tập Ngãi (huyện Tiểu Cần), xã Tập Sơn, Tân Sơn, Phước Hưng (huyện Trà Cú), đạo ôn cổ bông 31 ha (tỷ lệ 2,5-5%) ở xã An Trường A, Mỹ Cẩm (huyện Càng Long), ốc bươu vàng 30 ha (tỷ lệ 5-10%) ở xã Thạnh Hòa Sơn (huyện Cầu Ngang); bạc lá 395 ha (tỷ 10-20%) ở xã Song Lộc, Đa Lộc, Lương Hòa (huyện Châu Thành). Ngoài ra, còn xuất hiện một số đối tượng khác như sâu cuốn lá, rầy nâu... với mật số và tỉ lệ thấp.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 4.335 ha, nâng tổng diện tích xuống giống đến nay đạt 14.252 ha, đạt 27,1% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 593 ha), gồm: Màu lương thực 1.750 ha, màu thực phẩm 9.503 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 2.999 ha.

- Xây dựng, theo dõi các điểm dự báo sâu bệnh trên cây lúa và hệ thống bẫy đèn thông minh; tuyên truyền, hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng xuống giống dứt điểm vụ Đông Xuân 2022-2023 theo khung lịch thời vụ tại Thông báo số 556/TB-SNN-BVTV ngày 01/11/2022; tiếp tục tuyên truyền hướng dẫn các giải pháp giảm giá thành trong sản xuất lúa và sử dụng phân bón tiết kiệm, cân đối hiệu quả tại Công văn số 43/SNN-BVTV ngày 10/01/2022 và Công văn số 324/SNN-BVTV ngày 01/3/2022; phối hợp thực hiện Bản tin thời tiết nông vụ vụ Đông Xuân 2022-2023; hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện các thủ tục cấp mã vùng trồng, cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh; đăng ký tham gia Đề án phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long; tham mưu Ủy ban nhân dân

tinh xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện nông nghiệp hiện đại, tuần hoàn, phát thải thấp trên lĩnh vực trồng trọt giai đoạn năm 2023 - 2025 và định hướng đến năm 2030; thẩm định, cấp mới và cấp lại 09 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; duy trì và hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị cấp mới mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói 71 mã số cho 13 loại cây trồng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu nông sản của tỉnh

b) Chăn nuôi, thú y

Vận động tiêm phòng vaccine Cúm gia cầm trên 110,1 ngàn con, LMLM 1.725 con bò, Đại chó 610 liều, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 66,48 ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 247,67 ngàn liều. Nâng đến nay đã tiêm phòng vaccine Cúm gia cầm 150,1 ngàn con, LMLM 1.800 con bò, Đại chó 979 liều, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 68,38 ngàn con và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 257,77 ngàn con.

Bệnh Dịch tả heo Châu Phi: Từ ngày 11 đến ngày 17/02/2023 bệnh phát sinh tại 03 hộ của 3 xã: Lương Hòa (huyện Châu Thành), Ngọc Biên và Lưu Nghiệp Anh huyện Trà Cú; đã tiêu hủy heo bị bệnh, nghi bệnh, chết 87 con, trọng lượng 3.434 kg. Lũy kế từ đầu năm đến nay dịch bệnh đã xảy ra tại 06 hộ của 06 ấp, 05 xã, 04 huyện (Trà Cú, Cầu Ngang, Châu Thành và Cầu Kè); tiêu hủy heo bị bệnh, nghi bệnh, chết 124 con, trọng lượng 5.079 kg; Hiện đã phun xịt dập dịch được 17.894 lượt hộ, sử dụng 836 lít hóa chất, diện tích 836.000m². Ngành phối hợp với địa phương xử lý dịch bệnh theo qui định.

Kiểm dịch 17.346 con heo; bò 2.054 con; 183,6 ngàn con gia cầm; 45,39 tấn sản phẩm động vật và kiểm dịch 105 triệu con tôm giống (90 triệu con tôm thẻ chân trắng và 15 triệu con tôm sú giống). Nâng đến nay kiểm dịch 25.573 con heo; bò 2.918 con; 352 ngàn con gia cầm; 72,35 tấn sản phẩm động vật và kiểm dịch 175 triệu con tôm giống (157,58 triệu con tôm thẻ chân trắng và 17,5 triệu con tôm sú giống).

c) Lâm nghiệp

Tổ chức 73 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 05 trường hợp vào rừng kinh doanh buôn bán thức ăn, nước uống và 4 tụ điểm tổ chức uống rượu bia trong rừng, đoàn đã kiểm tra nhắc nhở buộc di dời ra khỏi rừng; cấp 01 mã số cho 01 cơ sở nuôi 30 cá thể nhím và 04 bảng kê xuất bán động vật hoang dã gồm 14 cá thể Cây vòi hương, 12 cá thể Nhím. Nâng đến nay tổ chức 149 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 06 trường hợp vi phạm (01 trường hợp phá rừng trái pháp luật làm thiệt hại 264m² chủng loại Mâm, Đước, rừng trồng năm 1999, thuộc loại rừng sản xuất tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh, ra quyết định xử phạt hành chính với số tiền 5 triệu đồng, buộc trồng lại diện tích rừng bị thiệt hại và 05 trường hợp kinh doanh buôn bán trong rừng (buộc di dời ra khỏi rừng)); cấp 02 mã số (cho 01 hộ nuôi 14 cá thể Cây vòi hương và 01 cơ sở nuôi 30 cá thể Nhím) và 09 bảng kê xuất bán động vật hoang dã.

Bàn giao diện tích rừng cho các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình tham gia nhận khoán bảo vệ rừng năm 2023 trên địa bàn xã Đông Hải, xã Long Vĩnh và

xã Long Khánh huyện Duyên Hải; Xây dựng kế hoạch trồng rừng mới, chăm sóc rừng, kế hoạch cho công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng năm 2023; thực hiện Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2023; Thường xuyên tuyên truyền vận động người dân trên địa bàn Huyện và thị xã Duyên Hải, Cầu Ngang sống ven rừng Phi lao sử dụng lửa an toàn.

Hoàn thiện thủ tục bán đấu giá khối lượng gỗ phi lao tận dụng khai thác diện tích rừng xin chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án xây dựng công viên xã Trường Long Hòa - Thị xã Duyên Hải; Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Long Khánh kiểm tra 01 hộ gia đình xây hàng rào kiên cố và 01 hộ chuẩn bị xây nhà trong khu bảo tồn Long Khánh. Qua kiểm tra đoàn tiến hành lập biên bản đình chỉ việc xây hàng rào và xây nhà trái phép trong khu bảo tồn.

d) Thủy sản

Thu hoạch 7.725 tấn (sản lượng nuôi 4.662 tấn, sản lượng khai thác 3.063 tấn). Nâng tổng sản lượng đến nay thu hoạch 15.784 tấn (sản lượng nuôi 9.449 tấn, sản lượng khai thác 6.335 tấn) đạt 6,45% kế hoạch, giảm 4.794 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng: Thả nuôi 687,7 triệu con tôm và cá giống các loại, diện tích 8.604 ha, thu hoạch 4.662 tấn (tôm sú 398 tấn, tôm thẻ chân trắng 1.820 tấn, cua 64 tấn, cá lóc 710 tấn, cá các loại 1.670 tấn). Nâng đến nay thả nuôi 1,386 tỷ con tôm và cá giống các loại, diện tích 16.747 ha, thu hoạch 9.449 tấn, đạt 5,24% kế hoạch (tôm sú 426 tấn, tôm thẻ chân trắng 2.473 tấn, cua 112 tấn, cá lóc 3.400 tấn, cá các loại 3.038 tấn), giảm 3.220 tấn so cùng kỳ (do lượng giống thả chậm hơn cùng kỳ), trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 213 triệu con tôm sú giống, diện tích 4.233 ha; 441,2 triệu con tôm thẻ chân trắng (thâm canh mật độ cao 152,5 triệu con, diện tích 103 ha), diện tích 582 ha; cua biển 18,8 triệu con giống, diện tích 3.620 ha. Nâng đến nay thả nuôi 359,5 triệu con tôm sú giống, diện tích 7.887 ha; 964,2 triệu con tôm thẻ chân trắng (thâm canh mật độ cao 436,2 triệu con, diện tích 228 ha), diện tích 1.044 ha; cua biển 40 triệu con giống, diện tích 7.552 ha. Tuy nhiên thời tiết lạnh tạo điều kiện thuận lợi cho mầm bệnh phát triển gây thiệt hại 4,76 triệu con tôm sú (chiếm 1,3% lượng con giống thả nuôi), diện tích 36 ha và 22,6 triệu con tôm thẻ (chiếm 2,0% lượng con giống thả nuôi), diện tích 55,72 ha tôm chết chủ yếu ở giai đoạn từ 25 - 55 ngày tuổi, đa số có dấu hiệu của bệnh đốm trắng, đỏ thân, gan tụy, đường ruột và chậm phát triển giai đoạn đầu.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 14,68 triệu con cá giống các loại với diện tích 201 ha. Nâng đến nay thả nuôi 22,57 triệu con cá giống các loại với diện tích 263,2 ha.

- Khai thác: Toàn tỉnh có 1.034 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 155.465 CV, tăng 2.070 CV (266 tàu có chiều dài từ 15 m trở lên); sản lượng khai thác 6.335 tấn (782 tấn tôm), đạt 9,84% kế hoạch, giảm 1.573 tấn so cùng kỳ (do giá dầu còn ở mức cao và vào dịp Tết Nguyên đán nên ngư dân không ra

khởi đánh cá nên sản lượng giảm); trong đó, khai thác nội đồng 838 tấn (138 tấn tôm), khai thác hải sản 5.497 tấn (644 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 409,5 tấn tôm (tôm sú 0,2 tấn, tôm thẻ 409,3 tấn), chế biến 691 tấn, tiêu thụ 159,4 tấn, kim ngạch xuất khẩu 2,05 triệu USD. Nâng đến nay các doanh nghiệp thu mua 541 tấn tôm (22 tấn tôm sú, 519 tấn tôm thẻ), chế biến 783 tấn, tiêu thụ 250 tấn, kim ngạch xuất khẩu 3,27 triệu USD.

e) Phát triển nông thôn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

- Trong tháng, các huyện, thị xã, thành phố không tổ chức công nhận ấp văn hóa, ấp nông thôn mới, gia đình văn hóa, nông thôn mới và hộ nông thôn mới. Năm 2022 chuyển sang đến nay toàn tỉnh có 218.997 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới, chiếm 95,46% số hộ phát động; 632 ấp đạt chuẩn ấp văn hoá, ấp nông thôn mới, chiếm 98,6%, (trong đó, có 53 ấp nông thôn mới kiểu mẫu, chiếm 8,39%).

- Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí:

+ *Huyện Nông thôn mới*: Tổng số có 06 đơn vị cấp huyện (Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, Châu Thành, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh) được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Riêng 02 huyện Cầu Ngang và Duyên Hải đạt 09/09 tiêu chí huyện NTM theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, đã họp Ban Chỉ đạo bỏ phiếu đề nghị xét công nhận; hoàn thành hồ sơ trình Trung ương thẩm định và mời Đoàn công tác Trung ương thẩm định huyện đạt chuẩn NTM, trình công nhận huyện đạt chuẩn NTM. Năm 2023, huyện Trà Cú đăng ký đạt chuẩn NTM, đến 15/2/2023 huyện đạt 4/9 tiêu chí.

+ *Xã nông thôn mới*: Đến nay có 82/85 xã đạt 19/19 tiêu chí (đã công nhận 82 xã), chiếm 96,47% số xã có quyết định công nhận; còn lại 03 xã Ngãi Xuyên, Kim Sơn, Hàm Giang huyện Trà Cú, địa phương tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận.

+ *Xã nông thôn mới nâng cao*: Tính đến nay, toàn tỉnh có 33 xã đạt 19/19 tiêu chí (đã công nhận 27 xã). Năm 2023, phần đầu toàn tỉnh có 50% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao. Hiện các xã đang tiến hành thực hiện các tiêu chí chưa đạt.

Chương trình OCOP: Tổng hợp danh mục sản phẩm tham gia Chương trình OCOP năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, đến ngày 10/2/2023 đã nhận đăng ký sản phẩm OCOP của 08 huyện/thị gửi đến tỉnh. Ngày 14/02/2023 tỉnh đã tổ chức công bố Quyết định và trao 104 Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP cho các chủ thể; tiếp tục phối hợp với Phòng Kinh tế thành phố Trà Vinh hoàn thiện 03 hồ sơ sản phẩm tiềm năng 5 sao trình trung ương.

Kinh tế hợp tác: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 125 HTX nông nghiệp⁽¹⁾ (17 HTX nuôi trồng thủy sản, 05 HTX chăn nuôi, 06 HTX cây ăn trái, 03 HTX

⁽¹⁾ Tổng số đã thành lập 152 HTX xã nông nghiệp (125 HTX đang hoạt động, 01 liên hiệp HTX, 26 HTX ngưng hoạt động)

hoa kiêng, 63 HTX lúa gạo - DVNN, 06 HTX rau màu – củ quả, 01 HTX mía và 24 HTX tổng hợp) và 01 liên hiệp HTX đang hoạt động. Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 1.596 THT nông nghiệp với 29.727 tổ viên (bình quân có khoảng 18,6 thành viên/tổ); Đến nay, có 02 HTX đăng ký tham gia dự án liên kết (HTX quýt đường Thuận Phú, HTX nông nghiệp Châu Hưng); Phối hợp với Phòng NN và PTNT huyện Cầu Ngang điều chỉnh HTX tham gia Đề án (từ HTX NN Hạnh Mỹ sang HTX NN Ngọc Thạch để tránh trùng lặp hỗ trợ chính sách từ Nghị Quyết số 78/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh) HTX NN Ngọc Thạch đã làm đơn xin tham gia đề án phát triển HTX gắn với chuỗi giá trị; triển khai Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 27/8/2022 của UBND tỉnh về địa bàn được hỗ trợ phí BHNN đến các huyện, thị xã, thành phố.

Bố trí dân cư: Phối hợp với UBND huyện Trà Cú chuẩn bị công tác, triển khai dự án Di dân khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Định An và phối hợp với UBND huyện Duyên Hải khảo sát thực tế các hộ dân thuộc khu vực Cồn Nhàn có khả năng ảnh hưởng nặng do sạt lở không an toàn.

Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Trong tháng lắp đặt đồng hồ nước cho 891 hộ. Nâng đến nay đã cung cấp cho 169.012 hộ sử dụng nước máy. Dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: Bộ Nông nghiệp và PTNT đã thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, đang thực hiện các thủ tục để phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; Dự án Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang: Đang tiến hành khảo sát địa chất, địa hình và thiết kế bản vẽ thi công.

3. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành:

a) Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Công tác thủy lợi nội đồng: Huyện Tiểu Cần, Cầu Kè và Trà Cú thực hiện nạo vét 13 công trình (đạt 2,8% kế hoạch), chiều dài 7.456 m, khối lượng 26.753 m³.

Phối hợp với Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi kiểm tra, vận hành công tích trữ nước ngọt ở những nơi có điều kiện, ngăn triều cường phục vụ sản xuất lúa vụ Đông Xuân.

- Kiểm tra đề điều: Tổ chức 14 đợt kiểm tra, phát hiện 01 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ tuyến đê Giồng Bàng (lập biên bản yêu cầu chủ hộ phải tháo dỡ, di dời ra khỏi hành lang bảo vệ đê trong thời gian 05 ngày nhưng chủ hộ không đồng ý và cam kết khi có công trình nhà nước đi ngang qua sẽ tự di dời không bồi hoàn). Lũy kế từ đầu năm đến nay có 05 trường hợp vi phạm, trong đó: Tuyến đê Hồ Tàu - Ông Năm (01 trường hợp); Tuyến đê Hồ Tàu – Đông Hải (01 trường hợp); Tuyến đê Giồng Bàng (01 trường hợp); Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển ấp Cồn Trúng xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (02 trường hợp). Các trường hợp vi phạm chủ yếu xây dựng nhà, tường vây, chuồng bò, Hạt Quản lý Đề điều kết hợp với chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản xử lý theo quy định

Tham gia: Triển khai thi công công trình đầu tư xây dựng hệ thống đê bao Nam rạch Trà Cú; khảo sát vị trí xin lắp đặt đường ống vượt lộ và hai bển tạm

tại mặt đập đường dẫn lên công Láng Thέ, xã Long Đứс, thành phố Trà Vinh của Công ty TNHH SX TM DV Thuận Hòa Trà Vinh.

- Tình hình thiệt hại: Theo Báo cáo nhanh từ Văn phòng Thường trực BCH Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các huyện, thị xã, thành phố, ngày 25 và 26/01/2023 (mùng 4 và mùng 5 Tết Nguyên đán) triều cường dâng cao gây sạt lở đê bao, bờ bao, vỡ bờ bao với tổng chiều dài 2.166 m, tràn cục bộ 1.348 m gây thiệt hại 184,22 ha (110,5 ha vườn cây ăn trái, 26 ha mía, 14,91 ha hoa màu, 10 ha lúa và 22,81 ha tôm), 2,57 ha rừng, ảnh hưởng 11 căn nhà, ước giá trị thiệt hại khoảng 2.895 triệu đồng. Ngành đã phối hợp với địa phương hỗ trợ khắc phục thiệt hại.

b) Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi, triển khai thực hiện 11 dự án, gồm: 01 công trình lâm nghiệp, 05 công trình đê kè; 02 công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, 02 công trình phục vụ thủy sản, 01 công trình di dân. Ước giải ngân đến 13/02/2023 là 2,71 tỷ đồng, đạt 1,29% kế hoạch vốn phân bổ vốn 2023 chuyển sang.

c) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm (ATTP), quản lý tàu cá, cảng cá và thanh tra, kiểm tra

- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP: Thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 12 cơ sở (01 cơ sở loại A và 04 cơ sở loại B); cấp 02 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (02 Giấy cấp lại). Thực hiện lấy mẫu Chương trình giám sát, vệ sinh an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ: 24 mẫu (16 mẫu nước, 08 mẫu nghêu). Nâng đến nay, đã thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 12 cơ sở (01 cơ sở loại A và 11 cơ sở loại B); cấp 05 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (01 giấy mới, 04 giấy cấp lại). Thực hiện lấy mẫu Chương trình giám sát, vệ sinh an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ: 27 mẫu (18 mẫu nước, 09 mẫu nghêu); *Giám sát ATTP theo Thông tư 08/2016/TT-BNNPTNT*: 10 mẫu (02 mẫu chả lụa, 03 mẫu thịt bò, 01 mẫu bò viên, 04 mẫu cá khô), kết quả đều đạt.

- Quản lý tàu cá, cảng cá: Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 500 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 319 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 48,9 triệu đồng. Nâng đến nay, đã tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 944 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 722 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 89,4 triệu đồng. Kết hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực Cảng cá Láng Chim và Cảng cá Định An; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão; hướng dẫn 238 tàu được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá, đạt 100% số tàu khai thác xa bờ (còn hoạt động); Hỗ trợ tàu cá lắp đặt thiết bị VMS theo NQ03: Đến nay đã tổ chức họp thẩm định và xét duyệt hồ sơ hỗ trợ cho 159 chủ tàu cá (trong đó hỗ trợ lắp đặt máy và cước thuê bao 75 trường hợp, hỗ trợ cước thuê bao 84 trường hợp) theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh, với số tiền: 1.487.062.000 đồng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra: Tổ chức 01 đợt thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp đối với 145 cơ sở kinh doanh phân

bón và thuốc BVTV, phương tiện tàu cá, An toàn thực phẩm, tuần tra kiểm tra rừng; thu 40 mẫu nông sản; phát hiện và xử lý 01 trường hợp theo quy định. Nâng đến nay đã tổ chức 01 đợt thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp đối với 187 cơ sở kinh doanh phân bón và thuốc BVTV, phương tiện tàu cá, An toàn thực phẩm, tuần tra kiểm tra rừng; thu 40 mẫu nông sản; phát hiện và xử lý 11 trường hợp theo quy định

d) Công tác khuyến nông và công tác giống

Công tác khuyến nông: Xây dựng kế hoạch 08 mô hình trồng trọt chăn nuôi và thủy sản; Hoàn chỉnh thuyết minh dự án “Xây dựng phát triển mô hình nuôi tôm sú – lúa gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm” giai đoạn 2023-2024 gửi Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; tổ chức 03 cuộc tổng kết mô hình Nâng cao chất lượng đàn bò thịt bằng phương pháp GTNT sử dụng giống bò chuyên thịt năng suất cao Inra’95, Blonde d’Aquitaine, trên địa bàn xã Tân Hiệp - huyện Trà Cú, xã Mỹ Long Bắc- huyện Cầu Ngang, xã Hiếu Tử - huyện Tiểu Cần; 01 phóng sự về nội dung “nuôi ốc bươu đen thương phẩm” tại ấp 1 xã Phong Thạnh huyện Cầu Kè; tiếp tục phối hợp với địa phương thực hiện 05 mô hình trình diễn: Mô hình: trồng táo trong nhà lưới sử dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm thích ứng với biến đổi khí hậu; trồng măng cầu xiêm sử dụng gốc ghép chống chịu hạn, mặn thích ứng với biến đổi khí hậu; trồng măng cầu ta (na) Thái sử dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm; trồng vú sữa Mica sử dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm; trồng cây chà là sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Sản xuất giống lúa OM 18 vụ Đông Xuân năm 2022-2023 với diện tích 7,2 ha (lúa được 27 - 47 ngày tuổi); Chăm sóc cây cam sành gốc ghép vô bầu, cây cam sành không hạt S₁, cây S₀ quýt đường được trồng trong nhà lưới cây phát triển tốt; Ươm dừa giống 1.000 trái và chiết 510 nhánh chanh; cung ứng 500 kg bưởi thương phẩm, 1.000 trái dừa khô và 600 cây điệp (cây công trình).

+ Giống thủy sản: Xuất bán 540 ngàn con giống tôm càng xanh toàn đực; thu hoạch 4,21 tấn tôm thẻ, hiện đã thả 900 ngàn con giống tôm thẻ chân trắng và ương 2,7 triệu ấu trùng tôm càng xanh toàn đực.

III. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 03 NĂM 2023

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán lập 7 đề án (1) Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030, định hướng đến năm 2045; (2) Phát triển trồng trọt đến năm 2030, định hướng đến năm 2045; (3) Phát triển chăn nuôi đến năm 2030, định hướng đến năm 2045; (4) Phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, định hướng đến năm 2045; (5) Phát triển lâm nghiệp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045; (6) Phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, định hướng đến năm 2045; (7) Chuyển đổi số trong lĩnh vực ngành nông nghiệp và PTNT đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

Tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh; tham mưu ban hành kế hoạch năm 2023 thực hiện Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 – 2025, Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Xây dựng dự thảo Quyết định Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1651/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Xây dựng dự thảo Kế hoạch Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới năm 2023.

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Đẩy mạnh thực hiện công tác dự tính, dự báo sâu bệnh trên cây lúa và các loại cây trồng khác; vận động nông dân thường xuyên thăm đồng, phát hiện và phòng trị kịp thời các loại sâu, bệnh gây hại. Khuyến cáo nông dân đẩy mạnh sản xuất cây màu vụ Đông Xuân; hướng dẫn nông dân chăm sóc tốt diện tích hoa màu đã xuống giống, khuyến khích sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn và sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; kết hợp Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi vận hành công, điều tiết nước phục vụ sản xuất và dân sinh. Kết hợp địa phương chuẩn bị xây dựng lịch thời vụ xuống giống vụ Hè Thu 2022. Tiếp tục khuyến cáo nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa và chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác theo Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 23/4/2021; khuyến cáo nông dân đưa cây màu xuống chân ruộng ở những nơi không đủ điều kiện xuống giống lúa Đông Xuân, khuyến khích sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn; hỗ trợ các HTX xây dựng dự án liên kết sản xuất, đồng thời tiếp tục mời gọi các công ty, doanh nghiệp tham gia liên kết, tiêu thụ sản phẩm trên các loại cây trồng.

b) Chăn nuôi và thú y

Tăng cường phối hợp với địa phương kiểm tra, giám sát và khống chế bệnh Dịch tả heo Châu Phi không để lây lan trên diện rộng; Phối hợp với địa phương tuyên truyền các hộ chăn nuôi tập trung, chủ động tiêm phòng các loại vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm để bảo hộ đàn vật nuôi; tăng cường kiểm tra,

kiểm soát tình hình vận chuyển heo, sản phẩm từ heo, sản phẩm đông lạnh nhập vào địa bàn tỉnh; tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện tốt các giải pháp chăn nuôi an toàn sinh học; phối hợp với Đoàn Kiểm tra liên ngành tăng cường kiểm tra các phương tiện vận chuyển, các lò giết mổ, các cơ sở mua bán sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh.

Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về công tác giống, quản lý chặt chẽ các cơ sở kinh doanh thức ăn, thuốc thú y và dịch vụ thú y, kịp thời ngăn chặn và hạn chế tình trạng lạm dụng thuốc kháng sinh, sử dụng kháng sinh cấm và các chất tăng trọng để tạo ra sản phẩm an toàn.

c) Thủy sản

Đẩy mạnh tuyên truyền vận động các chủ tàu cá tuân thủ Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Thủy sản theo đúng quy định; tuyên truyền người nuôi tập trung thả giống theo lịch mùa vụ thả nuôi, một số đối tượng thủy sản trên địa bàn tỉnh 2022 - 2023; tiếp tục theo dõi diễn biến tình hình dịch bệnh trên tôm và hướng dẫn người dân cách phòng, trị một cách hiệu quả; thực hiện tốt quan trắc, cảnh báo môi trường trên các tuyến sông đầu nguồn và thông báo kết quả trên Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh để người dân nắm chủ động trong việc lấy nước phục vụ nuôi thủy sản; tiếp tục tuyên truyền phổ biến đến người nuôi việc thực hiện đăng ký nuôi các đối tượng thủy sản chủ lực làm cơ sở cấp mã vùng nuôi, triển khai thực hiện các giải pháp ứng phó với dịch bệnh, hạn mặn trong nuôi trồng thủy sản năm 2023; tiếp tục hướng dẫn các cơ sở sản xuất giống thủy sản trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh.

d) Lâm nghiệp

Triển khai công tác trồng, chăm sóc, bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2023 theo kế hoạch; triển khai kế hoạch cho công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng và kế hoạch Chương trình Lâm nghiệp bền vững năm 2023; thẩm định và phê duyệt dự toán phòng cháy, chữa cháy rừng phi lao mùa khô năm 2023.

Tiếp tục tổ chức tuyên truyền Luật lâm nghiệp và các văn bản liên quan; tăng cường công tác tuần tra, quản lý bảo vệ rừng; kiểm tra các cơ sở sản xuất giống, gây nuôi động vật hoang dã, các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh mua bán lâm sản chấp hành các quy định của pháp luật.

e) Phát triển nông thôn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Tham mưu BCĐ tỉnh ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh; Tham mưu kế hoạch năm 2023 thực hiện Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 – 2025, Chương trình tăng cường bảo

vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

Tổ chức thẩm định, hoàn thiện hồ sơ huyện NTM trình Trung ương xem xét, mời Đoàn công tác Trung ương vào kiểm tra thực tế kết quả xây dựng huyện NTM đối với huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải.

Tổ chức kiểm tra thực tế kết quả xây dựng NTM của 3 xã Hàm Giang, Ngãi Xuyên và Kim Sơn; hỗ trợ huyện Trà Cú đạt chuẩn nông thôn mới; huyện Cầu Kè đạt chuẩn MTM nâng cao, 50% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao.

Xây dựng kế hoạch khảo sát địa bàn thực hiện tiểu dự án 1, dự án 3 thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 năm 2023 tại huyện Cầu Ngang; Hỗ trợ xã Thông Hòa và Hòa Ân, huyện Cầu Kè xây dựng dự án giải ngân nguồn vốn thực hiện tiểu dự án 1, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 năm 2022. Tổng kinh phí được phân bổ 956.000.000 đồng

Chương trình OCOP: Hoàn chỉnh hồ sơ về việc đề nghị đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP cấp quốc gia (*Tôm thẻ tím bột dừa đông lạnh; Tôm thẻ đông lạnh ASC chân, xiên que tím gia vị garlic chilli của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long và sản phẩm Bánh tráng IMEX TRAVINH của Công ty Lương thực Trà Vinh*) trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương. Hoàn chỉnh Dự toán Chương trình OCOP năm 2023 trình Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét trình Sở Tài chính thẩm định, phê duyệt.

Kinh tế hợp tác: Xây dựng kế hoạch điểm củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX NN; xây dựng kế hoạch tập huấn nâng cao năng lực cho các Tổ Hợp tác và HTX nông nghiệp; phối hợp với địa phương tiếp tục chọn các HTX nông nghiệp tham gia Đề án phát triển HTX gắn với chuỗi giá trị.

Bố trí dân cư: Phối hợp với các sở, ngành và UBND huyện Trà Cú triển khai Dự án di dân khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Duy trì hoạt động cấp nước tại 113 trạm cấp nước do ngành quản lý và tiếp tục lắp đặt đồng hồ nước mới cho người dân. Lập các dự án thành phần để thực hiện Dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Lựa chọn đơn vị tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang.

3. Công tác chuyên môn

Tiếp tục hướng dẫn và tư vấn kỹ thuật cho hộ dân sản xuất nông nghiệp và doanh nghiệp chăn nuôi; tiếp tục thực hiện dự án đang triển khai thực hiện thuộc nguồn vốn sự nghiệp và các chương trình kết hợp.

Kết hợp Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi vận hành công tích trữ nước ngọt, ngăn triều cường phục vụ tốt cho sản xuất và dân sinh; thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, thiên tai trên địa bàn tỉnh, tiếp tục thực hiện các giải pháp phòng chống kịp thời xử lý các tình huống xảy ra; khảo sát thực tế các khu vực sạt lở để tham mưu UBND tỉnh đầu tư khắc phục; đôn đốc các địa phương đẩy nhanh tiến độ nạo vét thủy lợi nội đồng năm 2023 và trực vớt lục bình khơi thông dòng chảy phục vụ tốt cho sản xuất.

Thực hiện Chương trình giám sát, vệ sinh an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ và Chương trình giám sát dư lượng chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh; tổ chức lấy mẫu giám sát ATTP tháng 02 năm 2023; tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành ATTP trên địa bàn tỉnh, đồng thời thu mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và ATTP; thẩm định định kỳ và cấp giấy đủ điều kiện ATTP các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết và cung ứng giống cây trồng, giống thủy sản đảm bảo chất lượng cung ứng cho nông dân trên địa bàn tỉnh.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Triển khai thanh tra trách nhiệm theo kế hoạch năm 2023; tổ chức các cuộc thanh, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm và vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản và giải ngân vốn theo khối lượng thực hiện.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động công tác tháng 02 và kế hoạch công tác tháng 03 năm 2023 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh năm, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VP.

KT. GIÁM ĐỐC 
PHÓ GIÁM ĐỐC




Trần Văn Dũng

**BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
THÁNG 02 NĂM 2023**

(Ước tính đến ngày 15/02/2023)

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	UTH cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 02	Ước TH 02 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
A	TRỒNG TRỌT							
1.	Cây lúa							
	Diện tích gieo sạ	ha	64.430	187.700	4.667	63.251	98,17	33,70
	Diện tích thu hoạch	Ha	1.202	187.700	1.830	2.712	225,69	1,44
	Sản lượng	tấn	5.822	1.065.150	9.478	13.622	233,97	1,28
b	Lúa vụ mùa							
	- DT gieo sạ	ha	1.090			1.142	104,79	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1.090		260	1.142	104,79	
	- Năng suất	Tạ/ha	47,78		47,58	47,12	98,61	
	- Sản lượng	tấn	5.206		1.236	5.380	103,33	
c	Vụ Đông Xuân							
	- Diện tích xuống giống	Ha	63.340	51.700	4.667	62.109	98,06	120,13
	- Diện tích thu hoạch	Ha	112	51.700	1.570	1.570	1.401,79	3,04
	- Năng suất	Tạ/ha	55,00	67,00	52,50	52,50	95,45	78,36
	- Sản lượng	tấn	616	346.390	8.243	8.243	1.338,07	2,38
d	Vụ Hè Thu							
	- Diện tích xuống giống	Ha		68.000				
	- Diện tích thu hoạch	Ha		68.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		52,50				
	- Sản lượng	tấn		357.000				
e	Vụ Thu Đông							
	- Diện tích xuống giống	Ha		68.000				
	- Diện tích thu hoạch	Ha		68.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		53,20				
	- Sản lượng	tấn		361.760				
2.	Cây màu							
	Diện tích gieo trồng	Ha	14.845	52.585	4.335	14.252	96,00	27,10
	Diện tích thu hoạch	Ha	3.198	52.585	1.378	3.174	99,26	6,04
	Sản lượng thu hoạch	tấn	67.265	1.399.152	30.285	67.305	100,06	4,81
a	Màu lương thực	Ha	1.663	5.970	585	1.750	105,19	29,31
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1.227,80	3.700	370	1.332,7	108,54	36,02
	- Diện tích thu hoạch	"	189,16	3.700	45	157,48	83,25	4,26
	- Năng suất	Tạ/ha	52,30	55,50	53,70	53,70	102,68	96,76
	- Sản lượng	Tấn	989	20.535	243	846	85,48	4,12
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	207,7	1.300	162,7	208,20	100,24	16,02
	+ Diện tích thu hoạch	"	6,43	1.300	5,18	5,18	80,56	0,40
	+ Năng suất	Tạ/ha	164,10	168,90	166,30	166,30	101,34	98,46
	+ Sản lượng	Tấn	106	21.957	86	86	81,64	0,39
	Khoai mì							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	125,40	570	32	119,5	95,30	20,96
	+ Diện tích thu hoạch	"		570				
	+ Năng suất	Tạ/ha		192,11				
	+ Sản lượng	Tấn		10.950				

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	UTH cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 02	Ước TH 02 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
b	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	102,50	400	21,1	89,3	87,12	22,33
	+ Diện tích thu hoạch	"		400				
	+ Năng suất	Tạ/ha		174,38				
	+ Sản lượng	Tấn		6.975				
	Cây thực phẩm	Ha	9.450	32.575	2.819	9.503	100,57	29,17
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	9.367,42	32.100	2.788,4	9.423,6	100,60	29,36
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.741,3	32.100	1.323	2.775	101,24	8,65
	+ Năng suất	Tạ/ha	227,50	226,10	226,30	226,30	99,47	100,09
	+ Sản lượng	Tấn	62.365	725.781	29.948	62.806	100,71	8,65
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	82,10	475	30,86	79,7	97,03	16,77
	+ Diện tích thu hoạch	"	11,47	475	4,6	9,81	85,53	2,07
+ Năng suất	Tạ/ha	18,53	21,05	17,89	17,89	96,55	84,98	
+ Sản lượng	Tấn	21	1.000	8,25	17,55	82,57	1,76	
c	Cây công nghiệp hàng năm		3.732	14.040	930	2.999	80,35	21,36
	Đậu phộng							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.385,49	4.420	496,5	1.676,8	70,29	37,94
	+ Diện tích thu hoạch	"	206,86	4.420		186	89,92	4,21
	+ Năng suất	Tạ/ha	54,31	52,40		53,19	97,94	101,51
	+ Sản lượng	Tấn	1.123	23.161		989	88,06	4,27
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	38,10	1.300	11,1	37,2	97,64	2,86
	+ Diện tích thu hoạch	"		1.300				
	+ Năng suất	Tạ/ha		978,20				
	+ Sản lượng	Tấn		127.166				
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	409,40	2.570	150,5	399,5	97,58	15,54
	+ Diện tích thu hoạch	"		2.570				
	+ Năng suất	Tạ/ha		118,20				
	+ Sản lượng	Tấn		30.377				
	Cây trồng khác							
	+ Diện tích gieo trồng	ha	899,30	5.750	272,3	885,4	98,45	15,40
	+ Diện tích thu hoạch	ha	42,7	5.750		40,37	94,60	0,70
	+ Sản lượng	Tấn	2.661	431.250		2.560	96,21	0,59
B	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha		50				
	- Chăm sóc rừng	Ha		116				
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha		3.490				
C	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	14.499	52.100	8.604	16.747	116	32,14
1.1	Nuôi nước ngọt	"	250	3.500	170	263	105	7,52
	- Diện tích nuôi cá	"	185	2.000	66	135	73	6,73
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	7	50	2	3	49	6,80
	+ Cá lóc	"	48	480	28	34	72	7,16
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	65	1.500	104	129	199	8,57
	Trong đó: tôm càng xanh	"	65	1.500	104	129	199	8,57
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	14.249	48.600	8.434	16.483	116	33,92

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	UTH cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 02	Ước TH 02 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Diện tích nuôi cá Trong đó: + cá giò, cá song + ...							
	- Diện tích nuôi giáp xác Trong đó: + Tôm sú + Tôm thẻ chân trắng		14.249 7.182 1.513	47.800 19.500 8.300	8.434 4.233 582	16.483 7.887 1.044	116 110 69	34,48 40,45 12,58
	+ Cua biển	"	5.554	20.000	3.620	7.552	136	37,76
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"		800	-	-		-
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	20.578	244.550	7.725	15.784	77	6,45
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	12.669,3	180.200	4.662	9.449	75	5,24
2.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	8.924	82.200	2.364	6.331	71	7,70
	- Sản lượng cá Trong đó: + Cá tra + Cá lóc	"	8.546 1.542 4.609	80.000 7.000 55.500	2.328 576 710	6.174 639 3.400	72 41 74	7,72 9,13 6,13
	- Sản lượng giáp xác Trong đó: tôm càng xanh	"	379 379	2.200 2.200	37 37	157 157	41 41	7,15 7,15
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
2.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	3.745	98.000	2.298	3.118	83	3,18
	- Sản lượng cá nuôi Trong đó: Cá giò, cá song ...	"						
	- Sản lượng tôm nuôi Trong đó: + Tôm sú + Tôm thẻ chân trắng + Nuôi cua biển	"	3.485 498 2.705 283	95.000 13.300 75.500 6.200	2.282 398 1.820 64	3.011 426 2.473 112	86 85 91 40	3,17 3,20 3,28 1,81
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	260	3.000	16	107	41	3,57
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	7.908	64.350	3.063	6.335	80	9,84
2.2.1	Khai thác biển	Tấn	6.914	57.500	2.684	5.497	80	9,56
	+ Sản lượng cá khai thác Trong đó: - Loài - ...	Tấn	3.908 - -	29.500 - -	1.617 - -	3.254 - -	83 - -	11,03 - -
	+ Sản lượng giáp xác khai thác Trong đó: - Tôm... + SL hải sản khác khai thác	Tấn	908 - 2.097	5.500 - 22.500	319 - 748	644 - 1.599	71 - 76	11,71 - 7,11
2.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	994	6.850	379	838	84	12,23
	Trong đó: - Cá các loại - Tôm các loại - Thủy sản khác	"	254 104 637	1.800 550 4.500	131 66 182	263 138 436	104 134 69	14,63 25,15 9,70
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	5.729		2.686	5.427	95	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	68		60	89	131	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	7.182		4.189	7.887	110	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	24		25	36	153	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	393		204	360	92	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	4		3	5	116	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	1		2	1	127	

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	UTH cùng kỳ	Năm 2023			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 02	Ước TH 02 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	3.933		1.514	2.833	72	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	132		132	171	130	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	1.513		528	1.044	69	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	42		44	56	131	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.166		404	964	83	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	18		17	23	126	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	2		4	2	152	